
Lãi suất LNH
Trái phiếu

Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	1.60	0.10	0.64	0.19	3Y	2.04	0.024
1W	2.03	0.05	0.76	0.20	5Y	2.14	0.032
2W	2.20	0.08	0.84	0.23	7Y	2.55	0.035
1M	2.31	0.07	0.90	0.20	10Y	3.00	0.016
2M	2.40	0.06	0.98	0.20	15Y	3.17	0.020
3M	2.49	0.11	1.06	0.18			
6M	2.73	0.07	1.21	0.13			
9M	2.80	0.10	1.34	0.02			
1Y	2.95	0.07	1.46	0.00			

Nguồn: Reuters

Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ.đ)

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bơm/hút ròng	KL lưu hành
04-05-22	1	14	2.50	10,000	428.86	518.43	-	89.57
29-04-22	1	14	2.50	10,000	3,109.44	283.80	2,825.64	6,034.76
28-04-22	1	14	2.50	10,000	341.67	369.09	-	27.42

Thị trường TPCP sơ cấp

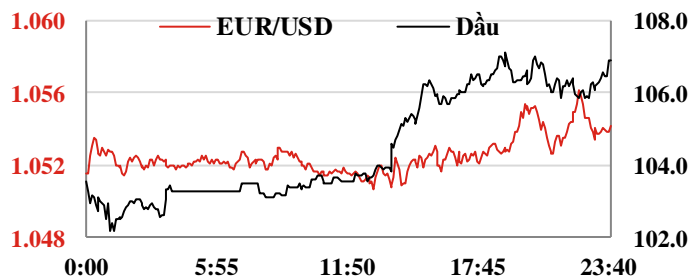
đơn vị: tỷ đồng

TCPH	Ngày DT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi
MOF	4-May-22	7	500	0	0.00%	0.00%
MOF	4-May-22	10	2000	0	0.00%	0.00%
MOF	4-May-22	15	2000	0	0.00%	0.00%
MOF	4-May-22	20	500	0	0.00%	0.00%
Tổng			0	0		

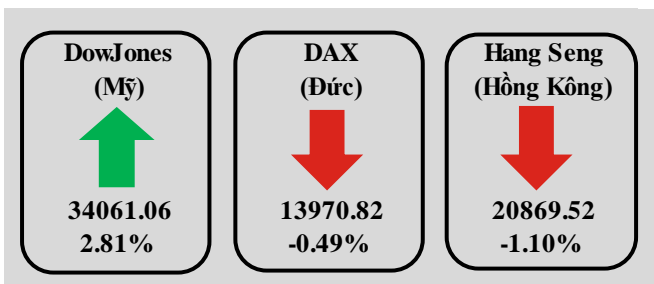
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1348.68	360.97	104.02
%/ngày	-1.33%	-1.33%	-0.28%
%/31/12/2021	-9.98%	-23.8%	-7.7%
KLGD (tr.đ.vị)	528.29	72.94	34.2
GTGD (tỷ đ)	14454.61	1602.61	648.49
NĐINN mua (tỷ đ)	634.65	34.35	0.10
NĐINN bán (tỷ đ)	939.98	7.93	0.63

Tin trong nước ngày 04/05

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 04/05, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.128 VND/USD, giảm 12 đồng so với phiên trước kỳ nghỉ lễ. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán kỳ hạn 3 tháng được niêm yết lần lượt ở mức 22.550 VND/USD và 23.050 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 22.968 VND/USD, tăng 11 đồng so với phiên 29/04. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng mạnh 120 đồng ở chiều mua vào và 190 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.580 VND/USD và 23.680 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 04/05, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng 0,05 - 0,10 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, cụ thể: ON 1,60%; 1W 2,03%; 2W 2,20% và 1M 2,31%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng mạnh 0,19 - 0,23 đpt ở tất cả các kỳ hạn; giao dịch tại: ON 0,64%; 1W 0,76%; 2W 0,84%, 1M 0,90%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp cũng tăng ở tất cả các kỳ hạn, cụ thể: 3Y 2,04%; 5Y 2,14%; 7Y 2,55%; 10Y 3,0%; 15Y 3,17%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN chào thầu 10.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 14 ngày, lãi suất 2,50%. Có 428,86 tỷ đồng trúng thầu, trong khi có 518,43 tỷ đồng đáo hạn. Như vậy, NHNN hút ròng 89,57 tỷ đồng từ thị trường, đưa khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố giảm xuống 5.266,78 tỷ đồng.
- Thị trường trái phiếu:** Ngày 04/05, KBNN gọi thầu 5.000 tỷ đồng TPCP ở các kỳ hạn từ 7 năm đến 20 năm, tuy nhiên phiên đấu thầu thất bại. Khối lượng đặt thầu ở mức 5.751 tỷ đồng, tỷ lệ đặt thầu/gọi thầu ở mức 1,2 lần. Vùng lãi suất đặt thầu cao nhất kỳ hạn 10 năm và 20 năm tăng mạnh từ 70 - 80 điểm so với phiên trước đó.
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, các cổ phiếu vốn hóa lớn sụt giảm khiến cả 3 chỉ số đỏ sàn. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 18,12 điểm (-1,33%) xuống 1.348,68 điểm; HNX-Index giảm 4,86 điểm (-1,33%) còn 360,97 điểm; UPCOM-Index giảm 0,29 điểm (-0,28%) xuống 104,02 điểm. Thanh khoản thị trường không được cải thiện, tiếp tục ở mức thấp với tổng giá trị giao dịch đạt trên 16.700 tỷ VND. Khối ngoại tiếp tục bán ròng gần 280 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Liên bộ Công Thương - Tài chính thông báo quyết định điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu, áp dụng từ 04/05.** Theo đó, giá xăng được điều chỉnh tăng khoảng 300-400 đồng/lít; giá dầu tăng/giảm quanh mức 200 đồng/lít hoặc giữ nguyên. Cụ thể: Xăng E5RON92: không cao hơn 27.468 đồng/lít (tăng 334 đồng/lít so với giá bán lẻ hiện hành); Xăng RON95-III: 28.434 đồng/lít (tăng 442 đồng/lít); Dầu diesel 0.05S: 25.530 đồng/lít (tăng 171 đồng/lít); Dầu hỏa: 23.828 đồng/lít (không thay đổi); Dầu mazut 180CST 3.5S: 21.560 đồng/kg (giảm 240 đồng/kg).



	4 May 22	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	102.59	-0.85%	-0.36%	6.90%
USD/CNY	6.61	0.00%	0.74%	4.03%
USD/EUR	0.94	-0.95%	-0.62%	7.03%
USD/JPY	129.07	-0.79%	0.51%	12.16%
USD/KRW	1251.51	-0.70%	-1.17%	5.35%
USD/SGD	1.37	-0.69%	-0.54%	1.82%
USD/TWD	29.34	-0.50%	-0.31%	5.87%
USD/THB	34.04	-0.93%	-0.87%	2.44%
USD/VND Trung tâm	23128	-0.05%	-0.03%	-0.07%
USD/VND LNH	22968	0.02%	0.03%	0.76%
USD/VND tự do	23580	0.55%	0.68%	0.55%
Vàng	1880.92	0.70%	-0.28%	2.87%
Dầu	107.81	5.27%	5.68%	43.35%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR	
	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.3303	0.0000		
1M	0.8451	0.0134	0.7855	0.1104
3M	1.4061	0.0429	1.0938	0.0000
6M	2.0196	0.0387	0.8211	0.0000
1Y	2.7484	0.0536		

Số liệu ngày SIBOR 29/04/2022

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	0,25%	0,50%	16/03/2022	14/06/2022
Châu Âu	EUR	0,05%	0,00%	10/02/2016	09/06/2022
Anh	GBP	0,50%	0,75%	17/03/2022	05/05/2022
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	16/06/2022
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	07/06/2022

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

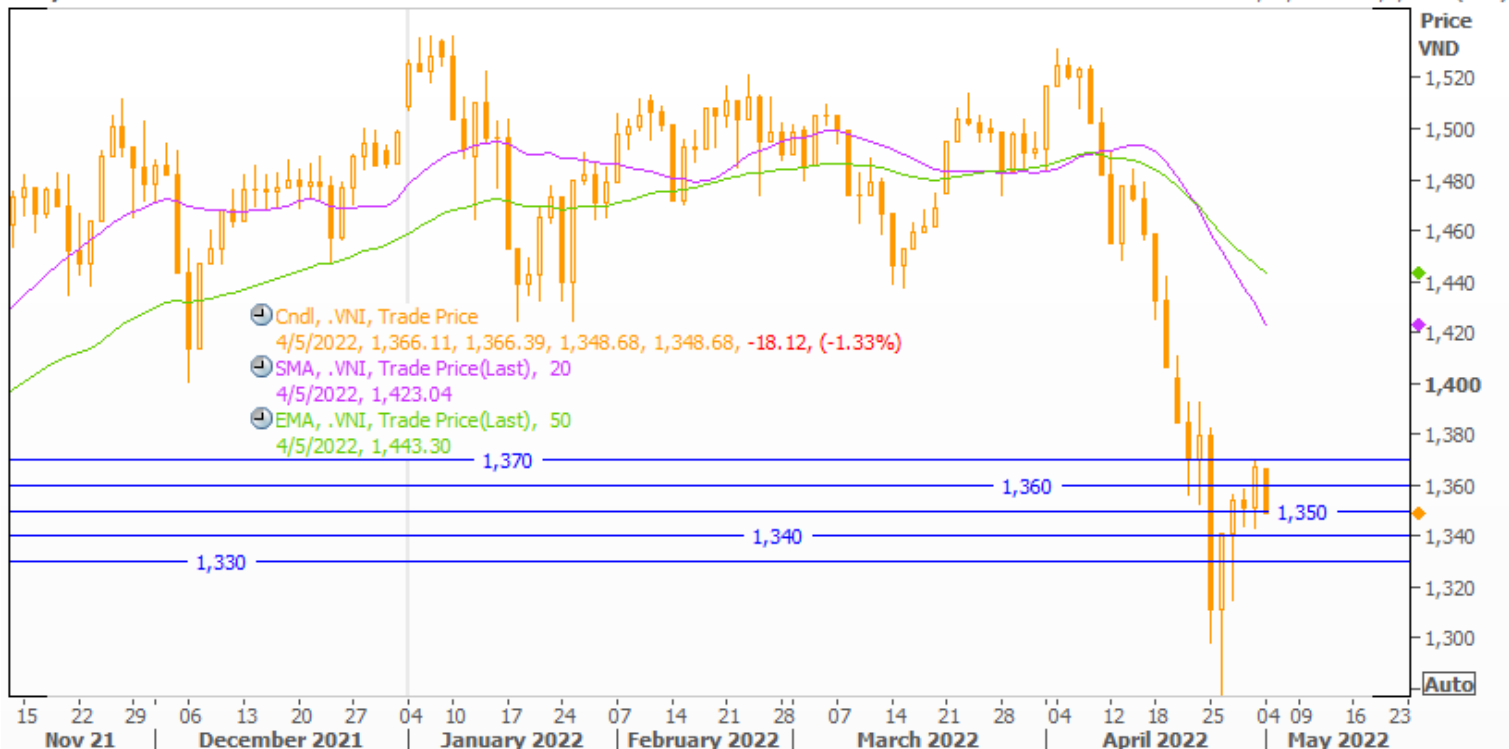
- Sau phiên họp chính sách ngày 3-4/05, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ Fed thông báo quyết nâng lãi suất chính sách thêm 0,5 điểm phần trăm, mức tăng lớn nhất trong 22 năm.** Với quyết định trên, FED đã nâng LSCS từ biên độ 0,25% - 0,50% hiện nay lên biên độ 0,75% - 1,0%. Chủ tịch Fed Jerome Powell và các quan chức Fed bày tỏ tin tưởng rằng nền kinh tế Mỹ đủ mạnh để chịu được lãi suất cao hơn mà không ngừng tăng trưởng hoặc không bị tình trạng thất nghiệp gia tăng. Mặc dù vậy, Fed lo ngại những bất ổn địa chính trị từ cuộc chiến Nga – Ukraine cũng như tình trạng đóng cửa tại Trung Quốc do Covid sẽ tiếp tục tác động tiêu cực đến kinh tế toàn cầu. Theo ông Powell, khả năng là Fed sẽ tiếp tục lộ trình nâng lãi suất 50 đpt tại các cuộc họp kế tiếp. CME Group cho biết thị trường đang dự báo FED sẽ nâng lên lãi suất lên biên độ 3% - 3,25% trước cuối năm 2022. Tại cuộc họp, FED cũng công bố kế hoạch thu hẹp bảng cân đối tài sản từ tháng 6/2022, bước đầu ở mức 47,5 tỷ USD/tháng, sau 3 tháng tăng lên mức 95 tỷ USD/tháng.
- Thị trường Mỹ đón một số chỉ báo kinh tế không mấy lạc quan.** Đầu tiên, hãng Xử lý Dữ liệu Tự động ADP khảo sát cho biết nước Mỹ tạo ra 247 nghìn việc làm phi nông nghiệp mới trong tháng 4, thấp hơn so với mức 455 nghìn của tháng 3 và đồng thời thấp hơn mức 382 nghìn theo dự báo. Mặc dù không đạt kỳ vọng, song đây là tháng thứ 3 liên tiếp kể từ đầu năm thị trường Mỹ tạo thêm việc làm PNN mới. Tiếp theo, Viện Quản lý Cung ứng Mỹ ISM cho biết PMI lĩnh vực dịch vụ của nước này đạt 57,1% trong tháng 4, giảm từ mức 58,3% của tháng 3 và trái với dự báo tăng nhẹ lên 58,5%. Theo ISM, các hoạt động kinh doanh vẫn diễn ra tương đối mạnh mẽ, tuy nhiên tình trạng lạm phát cao cộng thêm những thách thức về logistic và rủi ro địa chính trị là những yếu tố lớn ảnh hưởng tới đà phát triển của nhiều doanh nghiệp.
- Doanh số bán lẻ tại nước Úc tiếp đà tăng vọt trong tháng 3.** Văn phòng Thống kê Úc cho biết doanh số bán lẻ của nước này tăng 1,6% m/m trong tháng 3 sau khi tăng 1,8% ở tháng trước đó, vượt xa mức tăng 0,4% như kỳ vọng. Đây là tháng tăng trưởng thứ tư liên tiếp, với cả 4 tháng đều đạt mức tăng lớn hơn 1,5%. So với cùng kỳ năm 2021, doanh số bán lẻ trong tháng 3 tăng khoảng 9,4%. Đóng góp lớn nhất vào đà tăng chung trong tháng 3 là nhóm mặt hàng bách hóa và nhóm đồ gia dụng. Theo sau là các loại đồ ăn uống và các loại hàng hóa khác. Theo các chuyên gia Bloomberg, doanh số bán lẻ tại nước Úc có thể tiếp tục tăng cao theo đà phát triển kinh tế, bất chấp những ảnh hưởng từ việc NHTW Úc RBA tăng LSCS trở lại.
- Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
04 - 05	8:30	*	Doanh số bán lẻ Úc mm T3	1.6	0.4	1.8
04 - 05	15:30	*	PMI chính thức lĩnh vực dịch vụ Eurozone	57.7	57.7	57.7
04 - 05	16:00	*	Doanh số bán lẻ Eurozone mm T3	-0.4	-0.3	0.4
04 - 05	19:15	***	Số việc làm thay đổi khu vực phi nông nghiệp ADP Mỹ T4	247K	382K	455K
04 - 05	21:00	**	PMI lĩnh vực dịch vụ ISM Mỹ T4	57.1	58.5	58.3
05 - 05	1:00	***	LSCS Cục Dự trữ Liên bang Mỹ Fed	<1.00%	<1.00%	<0.50%
05 - 05	8:30	*	Số cấp phép xây dựng nhà tại Úc mm T3		-11.7	43.5
05 - 05	18:00	***	LSCS NHTW Anh BOE		1.0	0.8
05 - 05	19:30	**	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ w		180K	180K

VN-INDEX

Daily .VNI

12/11/2021 - 23/5/2022 (HAN)



VN-Index giảm xuống mức 1348,68 điểm. VN-Index có thể sẽ kiểm tra lại vùng hỗ trợ mạnh 1.330-1.340 điểm và hồi phục trở lại để lấy lại ngưỡng 1.350 điểm.

Ngưỡng hỗ trợ: 1.340 – 1.330

Ngưỡng kháng cự: 1.360 – 1.370

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: trangtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn